

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa.

Thư ký phiên họp: Ông Thái Đức Duy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 522/2023/TLST-VDS ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2023/QĐST-VDS ngày 27 tháng 12 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Bà Lê Thị N, sinh năm: 1950; cư trú tại: khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Lê Ngọc T, sinh năm: 1991; cư trú tại: đường L, Phường K, thành phố T, Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 16/11/2023 và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu bà Lê Thị N trình bày:

Bà không có chồng, con nên đã làm hồ sơ nhận nuôi cháu là Nguyễn Lê Ngọc T là con đẻ của ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Ngọc P làm con nuôi để giúp đỡ, an ủi, chăm sóc bà khi ốm đau, bệnh tật. Ngày 29/10/2007, Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Phú Yên ra Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 05/QĐ-UBND, công nhận bà là mẹ nuôi của chị Nguyễn Lê Ngọc T. Tuy nhiên, hiện nay chị T đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, tự chăm sóc bản thân. Bà đã lớn tuổi, phải phẫu thuật cột sống và thường xuyên nằm bệnh viện điều trị bệnh, sức khỏe yếu, đi lại khó khăn phải nhờ người giúp việc để chăm sóc, hỗ trợ cho các sinh hoạt cá nhân. Chị T là con gái nuôi nhưng không quan tâm, chăm sóc, thiếu tinh thần trách nhiệm của một

người con đối với mẹ nuôi. Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị Nguyễn Lê Ngọc T.

Tại Bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Lê Ngọc T trình bày: Năm 2007, chị được bà Lê Thị N nhận làm con nuôi theo Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi do Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp. Trong thời gian làm con nuôi của bà N, quan hệ giữa chị và bà N không có mâu thuẫn, xung đột gì. Trong thời gian mẹ nuôi chị là bà N phẫu thuật tại thành phố Hồ Chí Minh, chị đang mang thai khoảng 08 tháng nên không tiện để đi xa chăm sóc mẹ nuôi. Chị có nhờ mẹ ruột chị chăm sóc mẹ nuôi thay chị nhưng trong thời gian này, bà ngoại của chị bị té, phải nhập viện tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên cấp cứu nên mẹ ruột chị không thể đi thành phố Hồ Chí Minh để chăm sóc mẹ nuôi được. Nay mẹ nuôi bà Lê Thị N yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi thì chị không có ý kiến gì và không có yêu cầu gì khác.

Tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị T trình bày do bận công việc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên họp: Người yêu cầu giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý việc dân sự đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng và ra quyết định mở phiên họp đúng thời hạn quy định. Tại phiên họp, Thẩm phán và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nguyễn Lê Ngọc T là con nuôi của bà Lê Thị N nhưng chưa làm tròn trách nhiệm của người con khi bà N ốm đau phải điều trị tại bệnh viện. Bà N có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị T là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Đề nghị căn cứ vào khoản 5 Điều 29, Điều 369, Điều 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10, khoản 1 Điều 25, Điều 26, Điều 27 của Luật nuôi con nuôi; Điều 78 Luật hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị Nguyễn Lê Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết yêu cầu là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 của Luật Nuôi con nuôi. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Lê

Ngọc T có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự.

[2] Xét yêu cầu của người yêu cầu bà Lê Thị N thấy rằng: Bà Lê Thị N có nhận nuôi con nuôi là chị Nguyễn Lê Ngọc T, sinh năm: 1991 được Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn P), huyện T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận nuôi con nuôi vào ngày 29/10/2007 theo sự thoả thuận giữa bà N và cha mẹ đẻ của chị T là ông Nguyễn Trọng T và bà Lê Thị Ngọc P. Sau khi được nhận làm con nuôi, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ của người con là hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của Luật hôn nhân và gia đình đối với mẹ nuôi là bà Lê Thị N khi bà đau ốm phải nằm bệnh viện; bà N yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với chị T là tự nguyện. Hơn nữa, hiện nay chị T đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định tự lo cho bản thân được. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà Lê Thị N đối với chị Nguyễn Lê Ngọc T và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Luật nuôi con nuôi và Điều 78 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Người yêu cầu bà Lê Thị N là người cao tuổi nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 10, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi; Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Lê Thị N.

Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa mẹ nuôi là bà Lê Thị N với con nuôi là chị Nguyễn Lê Ngọc T.

Quyền và nghĩa vụ giữa mẹ nuôi bà Lê Thị N và con nuôi chị Nguyễn Lê Ngọc T chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ đẻ là ông Nguyễn Trọng T, bà Lê Thị Ngọc P và con đẻ là chị Nguyễn Lê Ngọc T được khôi phục kể từ thời điểm quan hệ nuôi con nuôi chấm dứt.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Lê Thị N được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu được quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P,
huyện T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Khánh Thoa

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT
VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP ⁽²⁴⁾**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tạilà người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN HỌP**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”